

TƯ TƯỞNG NHO GIÁO CỦA HỒ QUÝ LY: ĐẠO ĐỨC CÔNG PHU HAY CHÍNH TRỊ THỰC HÀNH

NGUYỄN KIM SON (*)

Trên cơ sở trình bày những ghi chép ít ỏi còn lại về tư tưởng và học thuật của Hồ Quý Ly, phân tích những đánh giá của các nhà Nho cũng như của các học giả hiện đại về ông, trong bài viết này, tác giả đã luận giải để góp phần làm rõ thêm tư tưởng Nho giáo của Hồ Quý Ly. Theo tác giả, động cơ của Hồ Quý Ly khi thảo luận về Nho giáo mang sắc thái chính trị trực tiếp và đậm nét. Việc Hồ Quý Ly phê phán Tống Nho xuất phát từ nhu cầu đem tư tưởng hậu thuẫn cho hoạt động chính trị và cải cách. Điều đó khẳng định tinh thần trọng thực tiễn, trọng hoạt động kinh tế hơn công phu tu dưỡng đạo đức của ông.

Hồ Quý Ly (1336 - 1407) là nhân vật lịch sử đặc biệt và khá phức tạp. Việc đánh giá về Hồ Quý Ly xưa và nay rất khác nhau. Đã có khá nhiều cuộc hội thảo, chuyên luận, tiểu thuyết, tiểu luận, luận văn viết về Hồ Quý Ly, nhưng dường như còn nhiều vấn đề bỏ ngỏ hoặc cần được tranh luận, tái tranh luận, nhận thức lại, và đương nhiên cần có cả những cách đặt vấn đề khác, hướng tư duy khác về một vấn đề tưởng như đã cũ.

Các đánh giá về Hồ Quý Ly phức tạp vì tầm vóc lịch sử của ông lớn, trong sự nghiệp đó có cả cái hay lẫn cái dở, cả thành lẫn bại. Điều đó khiến cho những người ở các thời đại khác nhau, góc nhìn khác nhau, mục tiêu khác nhau đã đánh giá ông theo những gì mà họ cảm nhận và tâm đắc. Đánh giá về hiện tượng Hồ Quý Ly đã phức tạp, song đánh giá về tư tưởng của ông, đặc biệt là tư tưởng Nho giáo, lại càng phức tạp hơn. Trong cái đa dạng và phức tạp đó, có thể nhận ra sự lúng túng do thiếu tư liệu cùng những cảm xúc trái chiều và dĩ nhiên, thiếu cả một cái nhìn khách quan.

Bài viết này điếm qua vài nét nổi bật của lịch sử nghiên cứu, đánh giá tư tưởng Hồ Quý Ly, cố gắng phân tích những nguyên nhân và động cơ của các cách đánh giá, nhìn tư tưởng Nho giáo của Hồ Quý Ly như một thực thể sống động với những gì mà con người ấy phải đối mặt, cách hành động và lựa chọn hành động, đồng thời cũng đặt tư tưởng Nho giáo của ông trong tổng thể tư tưởng Nho giáo trong lịch sử để định vị và nhìn nhận.

1. Những ghi chép còn để lại

Hồ Quý Ly là một trong những nhà Nho Việt Nam có những ý kiến thảo luận sớm nhất về Nho giáo kể từ sau độc lập. Tuy nhiên, những gì mà chúng ta còn được chứng kiến ngày nay chỉ là mấy dòng ngắn ngủi trong *Đại Việt sử ký toàn thư*. Những tóm lược cực ngắn đó được thực hiện bởi các nhà Nho - sử gia thế kỷ XV trở về sau. Thật khó có thể chắc chắn rằng, những tóm lược đó đã từng là những điểm mấu chốt, quan trọng nhất

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

trong tư tưởng Nho học của Hồ Quý Ly thể hiện trong *Minh Đạo* cũng như các tác phẩm khác; bởi lẽ, nó được thực hiện bởi những người hoàn toàn không có thiện cảm với ông và việc trích dẫn nhằm phục vụ cho mục tiêu rất rõ ràng mà chúng tôi sẽ đề cập tới ở sau. Chúng ta chỉ có thể tin rằng, những điều được dẫn ra trong *Đại Việt sử ký toàn thư* là có thực trong các văn bản Hồ Quý Ly đã viết, nhưng sự thực đó chỉ là một phần. Điều đáng nói là, những câu chữ ngắn gọn ấy lại là những điều rất độc đáo, rất có sức nặng thông tin, và còn rất quan trọng nữa... Sự đa dạng trong các ý kiến đánh giá về tư tưởng Nho học của Hồ Quý Ly hầu hết đều liên quan tới *cách đọc* những dòng chữ ngắn ngủi trong *Đại Việt sử ký toàn thư*.

Bài viết ngắn này không hy vọng giải quyết mọi vấn đề trong tư tưởng Nho học của Hồ Quý Ly, mà chỉ đặt ra mục tiêu phân tích những cách đọc khác nhau đối với các thông tin về tư tưởng Nho giáo của ông, đặt chúng trong khung cảnh vận động tư tưởng của chính Nho học, của thời đại và người viết sơ bộ đưa ra cách đọc của riêng mình.

Chúng tôi cũng bắt đầu bằng việc dẫn lại các đoạn ghi chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư* có liên quan tới tư tưởng Nho học của Hồ Quý Ly.

Có thể nói, các ghi chép trong bộ chính sử quan trọng nói trên bắt đầu nhắc tới Hồ Quý Ly từ những năm đầu thập kỷ 70 của thế kỷ XIV và kéo dài tới nhiều năm sau khi nhà Hồ bị diệt. Đọc những trang sử đó, chúng ta thấy ông được nhắc tới rất nhiều, xuất hiện liên tục, càng gần tới thời điểm giành ngai vàng thì các ghi chép càng dày đặc. Tuy nhiên, đó chủ yếu

là những ghi chép về các hoạt động chính trị, quân sự, ngoại giao... nói chung. Những dòng chép trực tiếp về tư tưởng và hoạt động học thuật của Hồ Quý Ly rất ít ỏi. Do tính quan trọng của tư liệu, chúng tôi thấy cần phải dẫn toàn văn hơn là tóm lược và dẫn ý:

Tháng 12 năm Quang Thái 5 [1392] “Quý Ly soạn sách **Minh đạo** gồm 14 thiên dâng lên. Đại lược cho Chu Công là tiên thánh, Khổng Tử là tiên sư. Văn Miếu đặt tượng Chu Công [22b] ở chính giữa, nhìn về phương nam, Khổng Tử ở phía bên, nhìn về phương tây. Cho sách *Luận ngữ* có bốn chỗ đáng ngờ, như Khổng Tử ra mắt nàng Nam Tử, Khổng Tử bị hết lương ở nước Trần, Công Sơn, Phật Hất cho gọi, mà Khổng Tử đều muốn tới giúp... cho Hàn Dũ là “đạo nho”; cho bọn Chu Mậu Thúc, Trình Di, Dương Thi, La Trọng Tổ, Lý Diên Bình, Chu Tử, tuy học rộng nhưng ít tài, không sát với sự việc, chỉ thạo cốp nhặt [văn chương người xưa]. Thượng hoàng ban chiếu dụ khen. Quốc tử trợ giáo Đoàn Xuân Lôi dâng thư nói bàn thế là không phải, bị đầy đi châu gần. (Xuân Lôi người xã Ba Lỗ, huyện Tân Phúc là người thông minh, nhanh trí, hiểu biết, có kinh nghiệm, sau làm quan đến Trung thư hoàng môn thị lang kiêm tri ái Châu thông phán, chết tại chức). [Xuân Lôi] khai là Đào Sư Tích có xem thư ấy, nên Sư Tích bị giáng làm Trung thị lang đồng tri thẩm hình viện sự” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản kỉ, q.8, tờ 22a-b).

Năm Quang Thái 7 [1394] “Mùa xuân, Tháng 2, Thượng hoàng sai thợ vẽ tranh Chu Công giúp Thành Vương, Hoắc Quang giúp Chiêu Đế, Gia Cát giúp Thục Hậu chúa, Tô Hiến Thành giúp Lý Cao Tông,

gọi là tranh “Tứ phụ”, ban cho Quý Ly để giúp quan gia cũng nên như thế” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản kỉ, q.8, tờ 23b).

Năm Quang Thái 8 [1395] “Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu cho Quý Ly được ở nhà bên hữu sảnh, dài gọi là “Họa lư”. Quý Ly nhân *biên chép thiên Vô dật, dịch ra quốc ngữ* để dạy Quan gia, mệnh lệnh ban ra thì xưng là Phụ Chính Cai Giáo Hoàng Đế” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản kỉ, q.8, tờ 25a-b).

Năm Quang Thái 9 [1396] “Tháng 11, Quý Ly làm sách *Quốc ngữ Thi nghĩa và bài tựa*, sai nữ sư dạy hậu phi và cung nhân học tập. Bài tựa phần nhiều theo ý mình, không theo *Tập truyện* của Chu Tử” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản kỉ, q.8, tờ 27b).

Theo những thông tin của chính sử, có thể khẳng định Hồ Quý Ly đã thể hiện tư tưởng của mình về Nho giáo bằng việc viết sách *Minh Đạo* gồm 14 thiên; soạn *Quốc ngữ Thi nghĩa* và dịch thiên *Vô dật* trong *Thượng thư* ra quốc ngữ. Ngày nay, tất cả các tài liệu nói trên đều đã thất truyền. Ngoài ra, Hồ Quý Ly còn có một số hoạt động thực tế thể hiện quan điểm và thái độ của ông đối với Nho giáo. *Đại Việt sử ký toàn thư* có ghi chép một số sự kiện:

- Năm 1397, Hồ Quý Ly ra lệnh cho đặt các học quan, cấp học điền ở các phủ lộ để cho học quan và đốc học dạy bảo học trò cho thành tài, rồi cứ tới cuối năm tiến cử người ưu tú lên triều đình. Nhưng theo lời của Ngô Sĩ Liên thì lệnh này tuy ban ra nhưng chưa được thi hành (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản kỉ, q.8, tờ 30a).

- Mùa thu năm 1400, Hồ Quý Ly cho mở khoa thi Thái học sinh, lấy đỗ 20 người, trong đó có Nguyễn Trãi, Lưu Thúc Kiệm, Lý Tử Tấn, Vũ Mộng Nguyên,

Hoàng Hiến, Nguyễn Thành... (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản kỉ, q.8, tờ 37b-38a).

Có thể thấy, Hồ Quý Ly cũng có những động thái thể hiện việc đề cao Nho giáo và Nho học, trọng dụng các Nho thần trong thực tế.

2. Đánh giá của các nhà Nho về Hồ Quý Ly

Xung quanh những sự kiện nêu trên, các ý kiến đánh giá (các cách đọc) chủ yếu chia thành hai hệ thống: *phê phán đặc biệt gay gắt* và *khen ngợi hết lời*. Các ý kiến phê phán hầu hết đều là của các nhà Nho. Có thể dẫn một số ý kiến tiêu biểu sau đây:

Ngô Sĩ Liên viết: “Đạo của tiên thánh nếu không có Khổng Tử thì không ai phát huy được; hậu [23a] thánh sinh ra, nếu không có Khổng Tử thì không còn ai làm khuôn phép nữa. Từ khi có sinh dân đến nay, chưa có ai nổi tiếng hơn Khổng Tử, thế mà Quý Ly lại dám khinh suất bàn về ngài thì *thực là không biết lượng sức mình*” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản kỉ, q.8, tờ 23a). Ông cũng khẳng định rằng, các đại Nho đời Tống mà Hồ Quý Ly phê phán là những người xuất sắc, có đóng góp to lớn cho Nho học và đương nhiên, không thể chê bai theo cách của Hồ Quý Ly: “Chu Tử sinh vào cuối đời Tống, kế tiếp công việc chú giải Lục kinh của các nhà nho Hán, Đường, ngược dòng tìm nguồn, hiểu được ý của thánh nhân ở các bộ kinh để lại, rõ được đạo thánh nhân ở những lời huấn giải, vắt óc nghiên ngẫm, lý và tâm dung hợp. Ông giải thích thì tường tận, chỉ dẫn thì xa rộng, thực là tập đại thành của các tiên nho và cũng là khuôn mẫu cho những kẻ hậu học. Huống chi lại có Trình Tử xướng ở trước, và Chu Tử bổ sung chỗ chưa hoàn hảo ở sau, thì nghĩa đã tinh lắm rồi. Người sau mà có

trước tác, thì cũng chỉ là mở mang cho rộng thêm, tô chuốt cho bóng thêm, có thể mà thôi, *sao lại được chê bai bàn cãi?*” (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản kỉ, q.8, tờ 28a).

Ngô Thì Sĩ đánh giá trong *Việt sử tiêu án*: “Nhan Uyên nói: đạo của Phu tử lớn lắm, thiên hạ không chỗ dung nạp nổi, cho nên ở Lỗ bị trục, ở Tề bị cùng khốn, ở Vệ bị thiệt hại, ở Thái bị vây, bị Yến Anh dèm pha, bị Võ Thúc chê trách, là lời người đồng thời, *lại có kẻ truất xuống làm trung hiến, giáng làm tiên sư, thật là người mù chê mặt trời, mặt trăng không ánh sáng*, có làm tổn hại gì được các vì sáng đó. Còn đến bảo Xương Lê là đạo Nho, Liêm, Lạc là trộm cắp. Đạo học các vị này khi ở Bắc, đã bị khuất trong thời bấy giờ, sang đến Nam, lại cũng bị đời sau bài bác, các ông thật là gặp ách vận, đáng than”.

Dòng phê phán này ta còn có thể đọc được tới tận cuốn *Việt Nam sử lược* của nhà sử học Trần Trọng Kim đầu thế kỷ XX.

Các nhà Nho đã không thể bình tĩnh, điềm đạm phê phán Hồ Quý Ly theo kiểu *ẩn ngôn*, hay *vi ngôn* mà đã “nhảy dựng lên” không tiếc dùng vô số đại ngôn, trực ngôn để phê phán.

Khi chép những trang về Hồ Quý Ly trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, các sử gia nhà Nho đã đưa vào rất nhiều chi tiết, ngôn hành nhắm tới một mục đích là dựng lại một chân dung phản diện, một kẻ tặc thần soán đoạt. Họ muốn miêu tả thật kỹ một Hồ Quý Ly từ lúc mới vào triều đã nhiều tham vọng, không từ một thủ đoạn nào để thâu tóm quyền lực và giành giật ngai vàng, ngay cả khi ngai vàng đó là của con rể và cháu ngoại của mình. Trong các truyện, ký, thực lục, và

thậm chí cả biên niên lịch sử thời kỳ trung đại, các nhân vật đức độ, tài năng (tức chính diện) thường chỉ nhận được mấy dòng mô tả tán dương công đức chung chung ước lệ với vô số mỹ từ giống nhau. Nhưng tình hình lại rất khác khi các tác giả cần khắc họa về cái xấu của nhân vật phản diện. Ở những chỗ đó, ngòi bút của họ thường trở nên sắc sảo, chi tiết, và các nhân vật phản diện thường hiện lên sống động, cụ thể và hiện thực hơn. Họ thường nắm lấy các chi tiết, ngôn hạnh cụ thể có sức biểu cảm cao. Hồ Quý Ly đã được *Đại Việt sử ký toàn thư* mô tả theo bút pháp như vậy suốt từ khi ông xuất hiện cho tới khi bị bắt ở núi Thiên Cầm. Các chi tiết về việc viết sách, diễn Nôm kinh điển, nội dung các sách được nói tới, đem nhà Nho phản đối đi đây... ngoài ý nghĩa là các sự kiện lịch sử khách quan cần chép, còn được xem là một bộ phận, là công cụ để nhà sử học Nho gia khắc họa nhân cách, tính cách, nhân phẩm, tư tưởng của nhân vật lịch sử này. Mà tính khuynh hướng của việc chép về Hồ Quý Ly, như đã phân tích ở trên, là theo hướng “*biếm trưng*” chứ không phải “*bao khuyến*”. Như vậy, có nghĩa là các chi tiết đó nhằm để minh chứng thêm cho một Hồ Quý Ly xảo quyệt trong chính trị, tàn nhẫn trong ứng xử và *vô đạo* xét về phương diện một nhà Nho. Thậm chí, việc diễn Nôm một cuốn kinh điển và thiên Vô Dật được nói tới cũng có thể nằm trong hệ thống chê bai, phê phán chứ chưa chắc đã là khen.

Sau khi đã công phu dựng lên một Hồ Quý Ly phản diện, nhà Nho thấy vẫn chưa yên tâm, những đoạn “*sử thần bàn rằng*” với những lời mắng chửi không tiếc lời được xem là hoàn tất và khép lại công việc *cái*

quan định luận với một nhân vật lịch sử.

Ngô Sĩ Liên, Ngô Thì Sĩ và các nhà Nho khác đã đứng từ góc độ người bảo vệ cho quan điểm đạo đức chính thống của Nho giáo để phát ngôn. Lớp nhà Nho từ Ngô Sĩ Liên về sau đều là những người thấm nhuần *Tĩnh lý học* của Tống Nho. Họ là những nhà đạo đức và có thể được xem là những người cùng một phía với những người đã bị Hồ Quý Ly phê phán.

Đọc kỹ lại các phê phán của nhà Nho, ta thấy hầu như họ không tranh luận từng vấn đề, không đưa dẫn chứng để bác bỏ, mà là bày tỏ thái độ không đồng ý, chứ không phải phản đối bằng cách tranh luận và đương nhiên, càng không phải là sự phê phán triết học, dấu rằng chúng đều trong phạm vi của triết lý nhân sinh. Họ cũng không dừng lại từng điểm và đối thoại từng điểm. Họ phát tiết bất bình và mắng mỏ hơn là tranh luận học thuật. Với thái độ đánh giá như vậy, đương nhiên khó có được một sự đánh giá khách quan, chân thực về học thuật của Hồ Quý Ly.

3. Các học giả hiện đại đề cao Hồ Quý Ly

Nếu như xu hướng chung của các nhà Nho phê phán gay gắt Hồ Quý Ly thì ngược lại, các học giả hiện đại thế kỷ XX lại không tiếc lời ca ngợi ông. Có thể dẫn một số ví dụ tiêu biểu:

Nguyễn Đồng Chi viết: "Tư tưởng và hành vi của nhà độc tài ấy có thể sánh với Vương An Thạch (1021-1086) đời Tống bên Tàu. Vương cũng có một độ bài xích những lối học huấn hũ và chú sở của tiên nho cùng là chủ trương những vấn đề cải lương Trung Quốc. Họ Hồ đã chịu mạnh cái tinh thần đó nên quyết tâm mở một

lối thực học đi đôi với nền tảng quốc gia xã hội mong làm cường thịnh nước nhà. Người sau này còn hơn người trước về chỗ chiếm lấy chiếc ngai vàng cho tiện bề hành động. Nhưng đáng tiếc cho chiếc ngai vàng ấy không bao lâu bị sụp đổ và lôi cuốn mọi thứ đi mất. Bàn tay phá hoại ấy chính là người Minh, nhưng một số đông người Việt Nam lấy cớ phục hồi nhà Trần mở đường đón giặc, họ phải chịu một phần trách nhiệm"(1).

Nguyễn Đức Sự nhận xét: "Ở cuối đời Trần còn xuất hiện xu hướng muốn *sửa chữa và uốn nắn chính ngay những nguyên lý và tín điều* của Nho học. Đại biểu cho khuynh hướng này là Hồ Quý Ly, một người có đầu óc cải cách táo bạo... Hồ Quý Ly đã tiếp thu và sử dụng Nho giáo một cách có phê phán, chứ không phải rập khuôn như các nhà Nho đương thời... Xu hướng sửa lại những tín điều của của Nho giáo do Hồ Quý Ly làm đại biểu cũng như xu hướng chống chủ nghĩa giáo điều nói trên đã thể hiện được cái học phong tự do phóng khoáng của những bộ óc độc lập tự cường thời Trần"(2).

Phạm Văn Sơn viết: "Nho Giáo và tư tưởng của các hiền giả Trung Quốc từ Lý qua Trần được dân ta hết sức suy tôn. Chữ Nho giữ một ưu thế đặc biệt trong văn học và các giấy tờ hành chánh. Chữ Nôm dưới đời Trần mới chỉ được dùng trong các thi ca mà thôi. Cờ đến tay, Quý Ly vốn có tinh thần cải cách và óc độc lập, tự tin liên đề cao vai trò của văn chương

(1) Nguyễn Đồng Chi. *Việt Nam cổ văn học sử*. Hàn Thuyên Hà Nội xuất bản năm 1942.

(2) *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, t.1. Nxb Khoa học xã hội, 1993, tr.226 - 227.

quốc âm và dám lật nhào cả những lý thuyết bất khả xâm phạm qua bao nhiêu thế kỷ của các thánh hiền Trung Quốc”(3). “Muốn sao, ta cũng phục họ Hồ có một tinh thần độc lập, chịu suy xét, dám tự tin, dám hoài nghi, không a dua hót bầy, nịnh sảng như đám nho sĩ trước và sau đấy chẳng riêng gì ở Việt Nam. Nếu trong tư tưởng giới của ta hay của Trung Quốc có nhiều nhân vật lỗi lạc như họ Hồ, có lẽ văn minh, học thuật Á Đông còn rạng rỡ hơn nữa”(4).

Một cách chừng mực và cân nhắc hơn, Tạ Chí Đại Trường viết: “Từ sự chọn lựa vị thế chính trị đó dẫn đến sự bài bác Luận ngữ và các Tống nho nổi danh như hai họ Chu, hai anh em họ Trình, thật là dễ hiểu. Đã nói chúng ta không có chi tiết lí luận của ông để có thể bàn sâu thêm, nhưng cái ý chính nổi bật của ông rõ ràng là không muốn theo khuôn thức thời đại, dù là khuôn thức của Thiên triều, của trung tâm xuất phát luồng tư tưởng chủ đạo đang lưu hành ở đất nước phiên thuộc. Từ tình thế riêng biệt của đất nước có ông ra tay đảm trách, ông muốn lập ra một môn phái mới (mà chúng ta không biết là gì) để cạnh tranh với các môn phái đương thời. Với vài câu còn lại trong sử, ta thấy ông chê trách các danh gia Tống nho đi vào lí thuyết mờ mịt lung nhiều mà không chú trọng đến thực hành. Vì thế dưới mắt Hồ Quý Ly, Hàn Dũ mà danh tiếng nổi bật không phải vào lúc sinh thời (tuy với bài biểu đòi đốt xương Phật) nhưng được bốc cao nhờ các Tống nho về sau, con người của văn từ rỗng rỗng đó bị ông đặt vào hàng ngũ “đạo nho” (nho ăn trộm, nho vật vãnh), cũng không phải là quá quắt. Nói một cách khác, Quý

Ly là nhà chính trị, là con người của hành động, không ưa lý thuyết, nên chê Tống nho “học rộng nhưng ít tài”, chê Khổng Tử thiếu ứng biến, chao đảo không quyết đoán”(5).

Trần Ngọc Vương trong “Phác thảo Nho giáo ở Việt Nam giai đoạn thế kỷ XV-XVII” cũng nhận định: “Bước đầu nêu yêu cầu thẩm xét lại kinh điển Nho giáo, tuyển lựa lấy cái gì phù hợp cho Việt Nam - Bốn điểm ngờ vực đối với Luận ngữ phản ánh một tinh thần tự chủ trong học thuật - cả việc đưa Chu Công lên trên Khổng Tử, cả việc tổ chức dịch kinh điển Nho giáo ra quốc âm cũng là trên tinh thần đó”(6).

Cao Tự Thanh thì coi việc Hồ Quý Ly phê phán Tống Nho như là một biểu hiện của quá trình tìm kiếm học thuyết chính trị hoàn toàn độc lập với Trung Quốc: “... Song mặc dù đã có một Trần Nghệ Tông phê phán lối rập khuôn thể chế Trung Hoa của “bọn học trò mặt trắng”, một Hồ Quý Ly chê bai những cây đại thụ của Tống nho Trung Quốc là “học rộng nhưng ít tài”, chính quyền cũng như giới trí thức Việt Nam thời Lý - Trần và cả Hồ sau đó vẫn không đưa ra được một học thuyết chính trị nào hoàn toàn độc lập với mô hình phương Bắc”(7).

(3) Phạm Văn Sơn. *Việt sử toàn thư*, phần “Cuộc cách mạng của Hồ Quý Ly”.

(4) *Việt sử toàn thư - Cuộc cách mạng của Hồ Quý Ly*

(5) Tạ Chí Đại Trường. *Sử Việt đọc vài quyển*, Văn mới; California 2004, tr.66.

(6) Trần Ngọc Vương. “Phác thảo Nho giáo ở Việt Nam giai đoạn thế kỷ XV - XVII”, in trong: *Một số vấn đề Nho giáo Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.16 - 17.

(7) Cao Tự Thanh. *Nho giáo với lịch sử Việt Nam*. Tạp chí Hán Nôm, số 1, 2005.

Ý kiến đánh giá của các nhà nghiên cứu hiện đại được trích trên đây chỉ là một phần những ý kiến, công trình đã được xuất bản, công bố có liên quan tới Hồ Quý Ly. Nhìn tổng thể, ý kiến của các nhà nghiên cứu hiện đại là khẳng định, đề cao, ca ngợi. So với sự đánh giá của các nhà Nho thời kỳ trung đại là hoàn toàn trái ngược. Chúng ta cũng nhận thấy các ý kiến đề cao, ca ngợi, khẳng định đối với tư tưởng Nho giáo của Hồ Quý Ly hầu hết đều đứng từ quan điểm dân tộc để đánh giá. Cũng có khi nó là một cái cớ để bày tỏ tình cảm dân tộc nồng hậu của chính tác giả bài viết hơn là sự phân tích khoa học.

Trong những thời kỳ ngọn cờ phản phong kiến được giương cao, Tống Nho bị đồng nhất với phong kiến cổ hủ, phản động, thì các ý kiến phê Tống Nho của Hồ Quý Ly càng được đề cao. Thái độ với Nho giáo của Hồ Quý Ly được coi là một thành tố của các hoạt động cải cách, tư tưởng cải cách, của sự đề cao tinh thần độc lập tự chủ của dân tộc, đề cao văn hóa dân tộc. Việc ông chê bai các đại Nho Trung Quốc được xem như một bản lĩnh của nhà cải cách, một chủ động sáng tạo trong tiếp nhận và bản lĩnh dân tộc xét trong quan điểm đối xử với Nho giáo Trung Quốc.

Nhưng chúng ta cũng thấy các ý kiến khen ngợi của các học giả đã dẫn ở trên chủ yếu là khen, là tán dương mà chưa phải là những phân tích và nghiên cứu thấu đáo theo chiều sâu của từng vấn đề, từng câu chữ và cũng chưa ai đặt nó trong khung cảnh chuyên biệt của các vận động Nho học, cũng như đặt trong khung cảnh rộng hơn của sự vận động

chính lịch sử Nho học để nhìn nhận, đánh giá. Và từ góc độ này, tuy khác các nhà Nho thời trước về thái độ và chiều hướng, nhưng lại giống họ về phương pháp thể hiện, cách nhìn nhận và đều chỉ là sự khen hay chê, tán thưởng hay bài bác.

Trong thực tế, những việc mà Hồ Quý Ly làm có thực sự là sự lật nhào đối với các nhà tư tưởng và chính trị đời Tống? Có phải là Hồ Quý Ly muốn đề ra một lý thuyết mới? Có phải ông ghét lý thuyết, có phải đó là khuynh hướng chống giáo điều?... Đây là những vấn đề cần phải làm rõ thêm.

4. Phân tích từ góc độ động cơ và mục đích

Các ghi chép liên quan tới Hồ Quý Ly là những sự kiện thuộc giai đoạn từ những năm đầu thập kỷ 70 thế kỷ XIV, tới khi người Minh bắt cha con Hồ Quý Ly đưa về Trung Quốc. Các sự kiện có liên quan tới thời kỳ làm quan và làm vua của Hồ Quý Ly kéo dài trên 30 năm lịch sử. Nhưng đọc kỹ các nội dung ghi chép trong cuốn sử ký này, chúng ta thấy người ghi từ chỗ đứng là một nhà Nho chính thống (cái chính thống xét trên cơ sở các nhà Nho thẩm nhuần tinh thần Nho học Tống Minh), đã chỉ chọn lọc những chi tiết, sự kiện nhằm chứng minh cho những sai lầm liên tiếp của vua Trần trong việc dùng Hồ Quý Ly, cũng như con đường của họ Hồ đi từng bước tới cướp ngôi. Giống như việc xây dựng các nhân vật lịch sử khác, nhà Nho mang một thiên kiến có sẵn về một nhân vật lịch sử nào đó. Các chi tiết chọn lọc chỉ nhằm làm rõ một vài nhận định về nhân vật đã được định ra từ trước. Các ghi chép chỉ để

dẫn dắt người đọc tới việc hiểu về một quá trình, vận động một cách ổn định của một nhân cách. Vì thế, người chép sử chỉ chọn và chép các chi tiết phục vụ việc làm rõ nhân cách Hồ Quý Ly mà theo họ là kẻ gian thần, phản thần, bội đức, và một ông vua tiếm vị nhiều tội lỗi. Những chi tiết chỉ cho chúng ta thấy một phương diện về nhân vật lịch sử Hồ Quý Ly mà thôi. Tuy nhiên, điều này cũng có cái thú vị của nó. Vì chúng minh một nhân cách phản diện tiêu biểu, nên nhà Nho đã chú ý ghi chép cho hậu thế nhiều tình tiết sinh động ít thấy trong các ghi chép của nhà Nho về những ông vua nhân từ, kẻ sĩ đạo đức. Những người này thường chỉ được ghi chép rất chung chung, mờ nhạt và ước lệ. Những tình tiết khá sống động này chủ yếu tập thành một hệ thống, hệ thống trái ngược với nguyên tắc đạo đức chính thống theo kiểu Tống Minh Nho. Việc chê bai Tống Nho cũng được ghi chép trong không khí chung như vậy. Theo tôi, người chép sử chép các sự kiện phê Tống Nho bao hàm cả chê sự khen của Nghệ Tông đối với 14 thiên Minh Đạo, đồng thời chê “thiếu kiến” của Hồ Quý Ly. Điều này chúng ta thấy rõ hơn trong ngay chính lời “*sử thần bàn rằng*” sau các đoạn ghi chép. Ghi để biếm trùng cả Nghệ Tông, các vua cuối triều Trần và Hồ Quý Ly, dĩ nhiên đối tượng chính vẫn là nhằm vào Hồ Quý Ly.

Có thể thấy các sự kiện thể hiện thái độ của Hồ Quý Ly đối với Nho giáo đã dẫn ở trên diễn ra gần như liên nhau, liên tục trong các năm: 1392 - 1394; 1395; 1396. Nó cũng diễn ra vào thời điểm Hồ Quý Ly đang leo lên những nấc thang quyền lực cao nhất, trước khi giành ngai

vàng. Những người chép các sự kiện thể hiện thái độ của ông với Nho giáo hầu như không chép tách bạch mà chép lẫn vào các sự kiện thu tóm quyền lực. Điều này có thể là một ẩn ý. Chẳng hạn, sự kiện năm Ất Hợi, niên hiệu Quang Thái 5 [1395]: “Mùa hạ, tháng 4, xuống chiếu cho Quý Ly được ở nhà bên hữu sảnh, đài gọi là “Hoa lưu”. Quý Ly nhân biên chép thiên Vô dật, dịch ra quốc ngữ để dạy Quan gia, mệnh lệnh ban ra thì xưng là Phụ Chính Cai Giáo Hoàng Đế”. (*Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản kỉ, q.8, tờ 25a-b). Chúng ta cũng cần phân tích, có mối liên hệ trực tiếp nào hay không giữa các nấc thu tóm quyền lực và các chi tiết thể hiện thái độ của ông với Nho giáo. Sự kiện dâng sách *Minh Đạo*, dịch thiên *Vô dật* dạy vua trẻ, đề cao Chu Công... cho tới sự kiện Đoàn Xuân Lôi và Đào Sư Tích bị biếm trích vì phản đối Hồ Quý Ly **cho ta thấy động cơ của Hồ Quý Ly khi thảo luận về Nho giáo mang sắc thái chính trị trực tiếp và đậm nét**. Ông ta muốn đem sức mạnh của chính trị, của quyền lực ra áp đặt và điều khiển tư tưởng cùng học thuật của sĩ phu, quan lại. Hồ Quý Ly muốn nêu ra những ý kiến của riêng mình nhằm khẳng định phương diện tư tưởng và học thuật của mình trong con mắt của sĩ phu, bắt họ phải thừa nhận thậm chí là vì sợ hãi chứ không phải vì chân lý của học thuật. Cái mà Hồ Quý Ly muốn là sự thần phục của sĩ phu, bằng mọi cách, cả khoe kiến văn, tư tưởng, học vấn (không cần biết đúng sai), lẫn thanh trừng, chém giết.

Chúng ta sẽ phân tích kỹ từng sự kiện. Hồ Quý Ly viết sách *Minh Đạo* gồm 14

thiên. Hiện nay, chúng ta không biết gì thêm về cuốn sách này ngoài mấy dòng ghi vắn tắt đã dẫn ở trên. Tuy nhiên, nhan đề của cuốn sách gợi cho chúng ta nhiều điều. Đặt tên sách như vậy, ông đã hết sức tự tin với học vấn của mình. Ông đã tự cho mình hiểu thấu được đạo lý thánh hiền và cảm thấy không hài lòng với những gì hiện có, những gì sĩ đại phu đang theo. Ông làm công việc nhắc lại, nhấn mạnh, làm sáng rõ về đạo. Đối với nhà Nho, đó là việc của các bậc thánh hiền. Hậu Nho ai làm được việc đó thì cũng xứng đáng là thánh hiền. Ta có thể đọc thấy ý vị muốn khẳng định vị thế của mình như thánh hiền ở Việt Nam vậy. Ông muốn tạo một hậu thuẫn về tư tưởng cho các hoạt động chính trị và hoạt động cải cách của mình chẳng? Những nội dung mà ông phê phán không nhằm vào toàn bộ Nho giáo, mặc dù phê phán rất nhiều. Lại một vấn đề nữa đặt ra là, *Đạo* mà Hồ Quý Ly muốn làm *minh* là đạo gì? Nó đương nhiên là Đạo Nho, nhưng thứ Nho nào? Chúng ta buộc phải đoán định việc này với những thông tin ít ỏi.

Củng cố vị thế trước sĩ phu về mặt tư tưởng, tạo hậu thuẫn tư tưởng cho cải cách và cho cả việc cướp ngôi... Theo tôi, việc thảo luận về Nho giáo của Hồ Quý Ly phải xét từ góc độ chính trị trước và là động cơ trực tiếp. Việc coi đó là một sự lựa chọn chủ động cái mà Việt Nam cần, là óc phê phán độc lập và rằng có phần khiên cưỡng và hơi xa thực tế tư tưởng ở con người này. Việc đề cao Chu Công, diễn nghĩa thiên Vô dật, *trước hết* Hồ Quý Ly muốn ngầm ví mình đang làm một sự nghiệp vĩ đại tương tự như Chu Công đối

với Thành Vương nói riêng và nhà Chu nói chung. Ông nhấn mạnh sự nghiệp của mình là đang phò tá cơ nghiệp nhà Trần, là đang có công lao cực lớn với nhà Trần. Điều này được vua Nghệ Tông làm rõ thêm bằng chính việc tặng ông bức *Tứ phụ đồ*, mà trong đó Chu Công có vị thế đặc biệt. *Thứ hai*, Chu Công là người chế lễ tác nhạc, người đặt ra mọi phép tắc cho nhà Chu và cũng là cho Trung Quốc cổ đại. Khổng Tử về sau chỉ có “*thuật nhi bất tác*”, suốt đời mộng thấy Chu Công. Do đó, khi đề cao Chu Công, Hồ Quý Ly ngầm cho rằng các công việc cải cách, sắp đặt lại điển chương chế độ của mình đang làm là noi theo việc chế lễ tác nhạc của Chu Công. Việc thảo luận về Nho giáo, đề cao Chu Công của ông là việc tìm kiếm chỗ dựa tư tưởng cho các hoạt động cải cách, là việc đề cao cách hoạt động canh cải đang diễn ra của ông. *Thứ ba*, chuẩn bị tư tưởng cho việc giành ngai vàng. Tư tưởng của Chu Công đương nhiên không phục vụ cho việc tiến ngôi, nhưng chúng ta có thể phân tích điều này từ một góc độ khác.

Việc đề cao Chu Công hay Khổng Tử không phải là mới mẻ. Nó đã từng diễn ra từ đời Hán ở Trung Quốc, gắn với cuộc đấu tranh kim – cổ văn và sự kiện tiến ngôi của Vương Mãng đời Hán. Chúng ta đều biết rằng, sau khi Hán Vũ Đế “*bãi truất Bách gia, độc tôn Nho thuật*”, phái kinh học Kim văn do Đổng Trọng Thư làm lãnh tụ đã đề cao loại kinh điển viết bằng văn tự thông dụng thời Tần Hán. Học phái này đề cao Khổng Tử, cho rằng ông là tác giả chân chính của Lục Kinh. Học phái này cũng là tác giả của thuyết Tam Cương nổi tiếng và có ảnh hưởng lâu

dài, trong đó quan hệ quân thần tôn nghiêm được đặc biệt nhấn mạnh. Phái Kim văn chiếm ưu thế trong một thời gian dài và các vị trí chính trị, các bác sĩ kinh trong nhà Thái học đều do các đệ tử kim văn học phái nắm giữ. Từ cuối đời Tây Hán, một số tác phẩm cổ văn, viết bằng loại văn tự trước thời Tần được phát hiện và công bố. Việc đó dần làm hình thành một số nhà Nho đề cao và chỉ tin loại kinh điển viết bằng cổ văn. Khi Vương Mãng tiếm ngôi, thực hành cải chế, ông ta đã thu dụng kiến nghị của Lưu Hâm, lập chức bác sĩ cổ văn, bài xích kinh học kim văn. Vương Mãng và các nhà cổ văn kinh học cho rằng, tác giả chân chính của kinh điển là Chu Công chứ không phải Khổng Tử. Người chế lễ tác nhạc chân chính là Chu Công. Khổng Tử chỉ là tiên sư, Chu Công mới thực sự là tiên thánh. Việc chuyển từ đề cao Kim văn sang Cổ văn, từ đề cao Khổng Tử sang Chu Công thời kỳ đó là hoạt động học thuật, nhưng thực chất là vấn đề chính trị. Vương Mãng thay đổi dòng tư tưởng chính thống được kiến lập từ đầu đời Hán để có được một tư tưởng khác làm hậu thuẫn cho Tân triều.

Học giả Trung Quốc Hà Thành Hiên cho rằng, Hồ Quý Ly ngầm tuyên bố sẽ cướp ngôi như Vương Mãng: “Có một điều bí mật lớn nhất mà ông không công khai nói ra, chính là ông muốn bắt chước việc Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán, chiếm lấy chính quyền họ Trần rồi thay thế nó. Quả nhiên, ông đã làm đúng như vậy”(8).

Theo tôi, điều này không thỏa đáng. Việc Vương Mãng cướp ngôi diễn ra đã hơn 1000 năm trước thời Hồ Quý Ly. Sử

gia, nhà Nho đã từng phê phán Vương Mãng rất gay gắt. Chỉ cần sự khôn ngoan tối thiểu, Hồ Quý Ly cũng không dại gì vi mình với Vương Mãng, bởi điều đó chỉ bất lợi cho ông ta. Việc làm của Hồ Quý Ly là muốn lái chuyển tư tưởng sĩ phu đi lệch khỏi quỹ đạo chính đang diễn ra, hoặc chỉ ít cũng nhằm làm rối nhiễu tư tưởng kẻ sĩ có lợi cho việc thoán đoạt. Vương Mãng đã từng làm như vậy. Hồ Quý Ly cũng đã làm một việc tương tự xét về mặt phương pháp, chứ không phải ông ngầm thổ lộ sẽ cướp ngôi. Thời kỳ Lý, Trần, tuy Tống Nho chưa được giới thiệu nhiều, nhưng kể từ khi lập Văn Miếu thờ Khổng Tử và nhà Thái học, Khổng Tử luôn có vị thế tôn quý nhất. Từ khi Chu Văn An được tòng tự, các học trò của Chu Văn An ngày càng có ảnh hưởng, không khí tôn trọng đạo đức, danh giáo, trật tự kỷ cương dần đi vào nền nếp và thành dòng chính của thời đại. Việc Đào Sư Tích và Đoàn Xuân Lôi bị biếm trích càng chứng tỏ dụng ý chính trị và dùng quyền lực chính trị để lái chuyển tư tưởng của Hồ Quý Ly. Đương nhiên, công việc này của ông lúc đương thời đã gặp phải sự chống đối từ phía các sĩ phu.

Như vậy, phương diện thứ nhất mà chúng tôi nhấn mạnh trong việc phân tích lại các sự kiện liên quan tới tư tưởng Nho giáo của Hồ Quý Ly chính là sự khẳng định bản chất chính trị, tính mục đích chính trị của Hồ Quý Ly trong các hoạt động này. Nó xuất phát từ dụng ý cá nhân khá sâu xa, phục vụ cho việc đề cao bản thân, tìm chỗ dựa tư tưởng cho hoạt

(8) Hà Thành Hiên. *Nho học Nam truyền sử*. Bắc Kinh đại học xuất bản xã. Bắc Kinh, 2000, tr.346.

động cải cách, thậm chí cho cả hành động giành lấy ngai vàng. Điều này không nên coi là một sự hạ thấp đối với ông, mà muốn hướng tới phân tích và làm rõ thực chất của vận động tư tưởng.

5. Nhìn từ truyền thống lớn của Nho học

Chúng ta cần phải đọc và phân tích các sự kiện từ một góc độ khác nữa để thấy thêm diện mạo tư tưởng Nho giáo của Hồ Quý Ly.

Hồ Quý Ly phê rất nhiều người: Khổng Tử, Hàn Dũ, Chu Đôn Di, Trình Di, Chu Hy và nhiều nhà Đạo học đời Tống khác. Ông phê phán với những lời lẽ hết sức nặng nề. Có thể nhận thấy một hệ thống trong việc phê phán của Hồ Quý Ly. Khổng Tử bắt đầu được khẳng định và đề cao từ đời Hán. Cùng với việc lập miếu thờ tự, các điển lễ thờ tự ở quê hương ông, người ta bắt đầu tôn ông lên thành Tổ Vương (vua không ngôi). Tuy nhiên, đời Hán, Khổng Tử không có uy quyền tuyệt đối trong tư tưởng sĩ phu. Đến đời Đường, Hàn Dũ là người đề cao đạo thống Nho gia, là khúc tiên khởi cho các hoạt động phục hưng Nho học đời Tống. Các nhà Đạo học đời Tống từ Chu Đôn Di, Nhị Trình, Chu Hy, đều đặc biệt đề cao Khổng Tử, đẩy Khổng Tử lên địa vị thống trị tinh thần cao nhất, tuyệt đối. Họ cũng đề cao Hàn Dũ ở công lao phù trì chính đạo, họ kế tục và phát huy tư tưởng Đạo thống của Hàn Dũ, dấu không đặt ông vào dòng truyền thừa chính thức của Nho gia bởi sự thiếu vắng các công trình tư tưởng được xem là có đóng góp của ông. Chu Hy đã xác lập sự đặt ra Tứ thư và tôn Khổng - Tăng - Tư - Mạnh là dòng

truyền thừa chính thống của Nho gia. Các nhà Đạo học Chu Đôn Di, Nhị Trình và Chu Hy được các học giả đầu đời Minh đặt vào cùng một hệ thống và ghi nhận công lao của họ trong việc chấn hưng Nho học Khổng Mạnh, nối được dòng đã tuyệt.

Như vậy, việc phê phán của Hồ Quý Ly nhằm vào dòng chính thống của Nho gia, **mà trực tiếp nhất là các đại biểu của phái Lý học trong Tống Nho** (nhưng không phải là tất cả Tống Nho, vì không thấy ông nhắc đến các đại biểu như Trương Tải, Thiệu Ung, Trình Hạo, Lục Cửu Uyên và các thành viên thuộc các dòng phái này).

Vấn đề quan trọng nhất, theo tôi, nằm ở chỗ, Hồ Quý Ly chê điều gì ở Tống Nho và Khổng, Hàn? Ông ta chê một vài điểm thuộc về hành trạng, quan hệ và việc xuất xứ của Khổng Tử, chê Hàn Dũ (768-824); Chê các nhà Đạo học đời Tống là *"tuy học rộng nhưng ít tài, không sát với sự việc, chỉ thạo chép nhặt"*. Việc chê Khổng Tử ở bốn điều, những cái đó hầu như không có gì mới, các nhà Nho Trung Quốc cổ kim cũng đã rất nhiều lần bàn cãi về những điều này, việc khen hay chê, bao hay biếm với các sự kiện đó lệ thuộc vào thái độ của họ đối với Khổng Tử. Hồ Quý Ly không nhằm gì vào những điểm cốt yếu trong tư tưởng và học thuyết của Khổng Tử, như Nhân học và thuyết tu dưỡng của ông. Khó có thể coi việc chê Khổng Tử mấy điểm về hành vi là việc xem xét lại hệ thống kinh điển. Việc chê Đạo học đời Tống cũng vậy, Hồ Quý Ly không hề nhằm vào vũ trụ luận, tâm tính học của họ. Điều này có phần giống với Trương Hán Siêu, Lê Quát từng phê

phán Phật giáo vậy. Tuy nhiên, việc chê các học giả Tống Nho là *"tuy học rộng nhưng ít tài, không sát với sự việc, chỉ thạo chép nhặt"* là có nội hàm tư tưởng, đáng chú ý và cần thiết có thêm một sự phân tích kỹ mỹ hơn.

Nhìn lướt lại lịch trình vận động của Nho gia, ta thấy Chu Công là người đặt những nền móng quan trọng cho lễ nhạc, điển chương chế độ cho văn hóa Trung Quốc nói chung và Nho gia nói riêng. Bản thân Khổng Tử cũng tự nhận mình có sứ mệnh truyền nối cái Đạo của Chu Công, người mà ông tôn sùng suốt đời. Tuy nhiên, Nho gia chỉ thực sự là Nho gia với những bản sắc riêng qua sự đào luyện, tổng kết và các sáng tạo của bản thân Khổng Tử. Ông là người đặt ra các yêu cầu cơ bản của cả hai phương diện *nội thánh* - tu dưỡng đạo đức nội tại theo chuẩn mực thánh hiền và *ngoại vương* - chính trị thực hành. Nội thánh là hướng nội công phu tu dưỡng và ngoại vương là hành động trị quốc bình thiên hạ, giáo dân, tế dân theo chuẩn mực của chính trị khoan dân huệ dân. Trong tư tưởng của Khổng Tử, nội thánh là cơ sở, nền tảng, xuất phát điểm, còn ngoại vương là mục đích hướng tới. Nội thánh là cơ sở và ngoại vương là mục đích. Hai phương diện này thực chất cũng là một thể thống nhất không thể tách rời. Thời Khổng Tử, hai phương diện này đều được coi trọng, thậm chí ngoại vương còn có phần được đánh giá đặc biệt cao. Trong cách nhìn của Khổng Tử, nếu ai đó dù có khiêm khuyết chút nào đó về đạo đức, nhưng có công lao đặc biệt to lớn với dân chúng thì vẫn có thể coi là bậc Nhân. Những đánh

giá về nhân vật Quản Trọng là một ví dụ. Nho gia Khổng Tử là Nho gia còn khá cân bằng ở hai phương diện: đạo đức tu dưỡng, nội tình công phu, rèn luyện nhân cách và thực hành đạo ra thiên hạ, nắm lấy chính trị và hành động vì dân chúng. Đến thời Mạnh Tử, do những biến động của thời đại, trước sự thách thức của xu hướng cai trị và định hướng xã hội mà theo cách nhìn của Nho gia là bá đạo, là những hành động bất chấp đạo lý, công lý, lẽ phải, lấy hiệu quả làm trên hết, trái với truyền thống nhân văn cổ đại Trung Quốc, Mạnh Tử ra sức nhấn mạnh phương diện đạo đức tu dưỡng của Nho gia. Tâm tính học của Nho gia tới Mạnh Tử trở nên mạch lạc và có hệ thống hơn. Trong học thuyết của Mạnh Tử, phương diện ngoại vương, nền nhân chính chỉ là hệ quả, là phụ thuộc theo nội thánh. Các Đạo gia đời Tống coi Tăng - Tư - Mạnh là đích phái của Nho gia chính là ghi nhận phương diện truyền thừa và phát huy tâm tính học, phát huy phương diện nội thánh. Nhưng cũng bắt đầu từ Mạnh Tử, sự phát triển của Nho gia bắt đầu dần thiên về đạo đức tu dưỡng mà nhẹ dần phần chính trị thực hành.

Đến các học giả đời Tống, phương diện tu dưỡng đạo đức, công phu nội tình bị đẩy tới cực đoan. Họ thảo luận nhiều tới các vấn đề vũ trụ luận, nhân tính luận, nhưng cái đích cuối cùng vẫn là nói tới sự tu tâm dưỡng tính. Nội thánh lấn át tất cả. Lý Trạch Hậu đã phân tích rất thuyết phục về đặc điểm này của nho học Tống Minh: *"...chỉ cần mở Chu Tử ngữ lục, Cận tư lục, Truyền tập lục là có thể nhìn rõ cái học mà họ giảng, nghiệp mà họ*

trao, chủ yếu thậm chí toàn bộ đều là tu thân nội tỉnh, rất ít nghiên cứu tham thảo đến vấn đề kinh thế trí dụng...

Gần đây khi nghiên cứu chính trị quan liêu của Trung Quốc, người ta cũng chỉ ra rằng từ thời Tống trở đi, nhu cầu đạo đức áp đảo tất cả, ít hỏi thậm chí không hỏi đến tài năng chính trị và chính tích như thế nào, mà phần nhiều chỉ xét từ phương diện đạo đức tiết tháo có trung hiếu hay không, có liêm khiết phụng công hay không để làm tiêu chuẩn phong bố quan lại. Cũng vì lý do này đã khiến cho thể chế quan liêu phong kiến vốn có ngày càng bế tắc, nội hướng, hủ mục, ngày càng mất đi hiệu năng hành chính vốn đã không cao, và đây cũng chính là một trong những hậu quả của việc Lý học trở thành hình thái ý thức thống trị”(9).

Có thể thấy, Hồ Quý Ly chê Trình Chu “học rộng, nhưng ít tài, không sát với sự việc” chính là phê phán góc độ kinh thế, phương diện chính trị thực hành, phê họ quá thiên lệch về phương diện đạo đức tu dưỡng mà xem nhẹ quyền thuật chính trị, hiệu quả thực tiễn của hành động. Điều này cũng không hẳn là khuynh hướng chống giáo điều như một vài người nhận định. Nếu các học giả đời Tống đề ra các lý thuyết chính trị là lý luận cai trị mới, nhưng đẩy các lý thuyết đó thành vụn văng, và chỉ biết có lý thuyết thì việc Hồ Quý Ly chống lại các lý thuyết đó mới được gọi là chống giáo điều.

Hợp cả việc khen và chê của Hồ Quý Ly, ta thấy, ông chủ trương và đề cao hành động chính trị thực tiễn, đề cao hành động, lấy hiệu quả thực tiễn làm tiêu chuẩn chứ không phải đạo đức nhân nghĩa. Về nhận định này, đã từng có một số người nói tới.

Vấn đề ở Hồ Quý Ly không phải ở chỗ giữa lý thuyết và hành động. Việc chê Tống Nho của ông không phải là chê lý thuyết. Đạo đức và tâm tính học ở họ, xét trong quan hệ với chính trị thực hành, không phải là quan hệ giữa lý thuyết với thực tiễn, mà là việc nhấn mạnh phương diện này hay phương diện khác của chính học thuyết Nho giáo. Đạo đức tâm tính cũng là một loại thực tiễn, nó là thực tiễn đạo đức, là nội tại công phu tu dưỡng và điều tiết. Nó khác và phân biệt với hướng ngoại, thực hành đạo trị - thực tiễn chính trị, điều mà nhà Nho gọi là kinh thế học. Những người đi trước đánh giá Hồ Quý Ly không coi trọng lý thuyết là không sai, nhưng dường như chưa chỉ ra đúng thực chất và gọi đúng tên của nó.

Chúng tôi cho rằng, việc Hồ Quý Ly chê Tống Nho trước hết xuất phát từ nhu cầu đem tư tưởng hậu thuẫn cho hoạt động chính trị và cải cách. Nó khẳng định tinh thần trọng thực tiễn, trọng hoạt động kinh thế hơn công phu tu dưỡng đạo đức. **Đạo đức chính thống theo Tống Nho chống lại chính các hành động tiềm quyền và vượt phạm của Hồ Quý Ly.** Tống Nho đề cao tu dưỡng đạo đức một cách công phu, một phần đẩy các quan hệ cương thường, vua tôi, cha con lên thành nguyên lý tối cao bất khả xâm phạm: *Thiên Lý*. Thiên lý ấy có lợi cho chính trị chính thống và chống lại các hành động tiềm việt. Đương nhiên, điều đó chẳng có lợi gì cho Hồ Quý Ly. Đề cao kinh thế, tức lấy hiệu quả thực tiễn làm thước đo, điều này dễ biện minh cho các hành động của ông hơn. Nó cũng phù hợp

(9) Lý Trạch Hậu. *Trung Quốc cổ đại tư tưởng sử luận*. An Huy văn nghệ xuất bản xã, An Huy, 1999, tr.272 - 274.

với con người thích hành động và con người cải cách, chủ trương cải cách của Hồ Quý Ly. Đó không phải là sản phẩm của sự cò sát tư tưởng ở chiều sâu, là sự đối thoại của các dòng ý kiến, những khác biệt trong tư duy triết học, mà là sự lựa chọn những gì phù hợp và phục vụ được cho mục đích thực dụng của Hồ Quý Ly.

Nếu xét từ góc độ phân tích các hậu quả do việc đề cao một cách cực đoan đạo đức, tu dưỡng của Tống Nho đối với đời sau thì ta thấy hành động của Hồ Quý Ly có ý nghĩa tích cực nhất định. Nó cũng cho thấy ở thời điểm cuối thế kỷ XIV, ảnh hưởng của Tống Nho còn chưa thực mạnh ở Việt Nam. Ở một chiều khác, việc khen chê của Hồ Quý Ly cũng là một minh chứng về sự thắng thế của khuynh hướng thực tiễn, trọng chính trị thực hành hơn công phu tu dưỡng đạo đức của Nho học Việt Nam. Tu dưỡng đạo đức trì kính, thận tư quá phức tạp theo kiểu của Trình Chu rõ ràng không hấp dẫn và không hoàn toàn phù hợp với nhà Nho Việt Nam ở bất kỳ thời điểm lịch sử nào, ngay cả khi đạo đức được đề cao nhất như triều Nguyễn giữa thế kỷ XIX.

Một nhà Nho cùng thời với Hồ Quý Ly đã có một đánh giá về ông đáng chú ý, đó là Nguyễn Trãi. Trong bài thơ *Quan hải*, Nguyễn Trãi đã dùng một từ rất đắt, và theo tôi, là rất chính xác để nói về Hồ Quý Ly – Nguyễn Trãi gọi ông ta là *anh hùng*, “Anh hùng di hận kỷ thiên niên” (người anh hùng để hận đến muôn đời). Đúng ông là nhân vật người anh hùng. Ông không phải là nhà đạo đức, không câu nệ ở đạo đức. Và đương nhiên, khi người anh hùng đó thảo luận về tư tưởng thì cũng sẽ có chất “anh hùng” trong thảo luận về tư tưởng hơn là dấp dấp học giả,

chất Nho lâm, tức là cũng có chút ít chất võ biền trong chữ nghĩa. Chất “anh hùng” ấy giúp Hồ Quý Ly không cảm thấy e ngại khi giải thích kinh điển không theo Trình Chu, chê Khổng Phu tử, thích đề cao ai mặc theo sở đắc và dụng ý của mình. Người anh hùng ấy lại đang nắm quyền lực chính trị trong tay, thì sự phát biểu lại càng không cần phải ngại ngùng gì nữa. Chất anh hùng ấy giúp ông thoát được những cái bóng, những nỗi ám ảnh, những sợi dây ràng buộc mà những nhà Nho khác không vượt qua được.

Lời kết

Tư tưởng của Hồ Quý Ly không phải là tiêu biểu cho tư tưởng Việt Nam nói chung, bằng chứng là trước và sau ông người ta đang giới thiệu Tống Nho. Đó là một thái độ cá nhân, một cá nhân quan trọng, nó xuất phát từ một hoàn cảnh đặc định và mục đích cũng rất cá nhân... Không nên quá nhấn mạnh và đề cao việc phê bình Tống Nho của Hồ Quý Ly, không nên coi đó như biểu tượng của tinh thần dân tộc, là biểu tượng của sự chủ động và sáng tạo, là tiêu biểu cho tinh thần tiếp thu có chọn lọc và phê phán đối với Nho giáo. Sự đề cao thái quá và thiếu cơ sở đó cũng đồng nhất với việc trình ra cho thế giới một bức tranh về sự nông cạn và quá thiên về thực dụng của các nhà Nho Việt Nam trong lịch sử.

Hồ Quý Ly trước sau vẫn là một nhà Nho. Không những thế, ông còn là người đóng vai trò mở đường cho Nho giáo và tầng lớp sĩ phát triển mạnh vào giai đoạn tiếp theo. Ông chỉ tiêu biểu cho một cách lựa chọn, một loại thái độ, một xu hướng của Nho gia. Thái độ ấy có đầy những lý do và toan tính cá nhân, chịu sự quy định của hoàn cảnh lịch sử đặc định. □